

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2023

"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh

Bà Vũ Thị Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2023 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị G, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu 2, phường Y H, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khu 2, phường Y H, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2023, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị G trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị G và anh Đặng Văn H tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã Y H, huyện Y H (nay là phường Y H, thị xã Q Y), tỉnh Quảng Ninh và sinh sống tại địa chỉ: khu 2, phường Y H, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã không thể hàn gắn được, đã ly thân từ lâu, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương động viên khuyên giải nhưng không có kết quả hàn gắn. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương

động viên khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị G có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị Vũ Thị G và anh Đặng Văn H có 02 con chung là Đặng Thị O, sinh ngày 10/01/1995 và Đặng Văn N, sinh năm 05/02/2000. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Chị Vũ Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn H có trình bày quan điểm: Anh Đặng Văn H và chị Vũ Thị G tự nguyện kết hôn năm 1994 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y H, huyện Y H (nay là phường Y H, thị xã Q Y), tỉnh Quảng Ninh, trong cuộc sống vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Nay chị G có đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng vẫn bình thường chưa có gì trầm trọng, mong vợ suy nghĩ lại để về cùng chung sống với các con. Anh Đặng Văn H và chị Vũ Thị G có 02 con chung là Đặng Thị O, sinh ngày 10/01/1995 và Đặng Văn N, sinh năm 05/02/2000. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xác minh qua ông Đặng Hoàng V - Khu Trưởng khu 2, - phường Y H, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: Chị Vũ Thị G và anh Đặng Văn H kết hôn với nhau vào năm 1994, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y H, huyện Y H (nay là phường Y H, thị xã Q Y), tỉnh Quảng Ninh và sinh sống tại địa chỉ: khu 2, phường Y H, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn của vợ chồng chị G, anh H đã được hai bên gia đình nội, ngoại và chính quyền địa phương động viên khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị G có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H; Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị Vũ Thị G và anh Đặng Văn H có 02 con chung là Đặng Thị O, sinh ngày 10/01/1995 và Đặng Văn N, sinh năm 05/02/2000. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị G và anh H có tài sản chung, nợ chung hay không địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

I. VỀ VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG.

1. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại các Điều 203, 204, 205, 206, 207, 208 và Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm giải quyết vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, các đương sự đã cơ bản chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị G đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Đặng Văn H vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bản tự khai của các đương sự và kết quả Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị G. Xử chị G được ly hôn anh Đặng Văn H.

Về con chung: Chị Vũ Thị G và anh Đặng Văn H có 02 con chung là các cháu Đặng Thị O, sinh ngày 10/01/1995 và Đặng Văn N, sinh ngày 05/02/2000. Nay các cháu O và N đã thành niên, chị G và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về tài sản và công nợ chung: Chị G và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Buộc chị Vũ Thị G phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị G khởi kiện về việc ly hôn với anh Đặng Văn H và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Đặng Văn H có nơi cư trú tại khu 2, phường Y H, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị G có mặt; bị đơn anh Đặng Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không có lý do (*không có đơn xin xử vắng mặt*). Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị G và anh Đặng Văn H có đăng ký kết hôn từ năm 1994 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Hội đồng xét xử xét thấy đề cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, tình cảm phải trên cơ sở tự nguyện từ hai phía, phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, chị Vũ Thị G và anh Đặng Văn H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, trong quá trình sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau, anh H mặc dù không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp đề hàn gắn hạnh phúc của vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Vũ Thị G và anh Đặng Văn H đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị G đối với anh Đặng Văn H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị Vũ Thị G và anh Đặng Văn H có 02 con chung là Đặng Thị O, sinh ngày 10/01/1995 và Đặng Văn N, sinh năm 05/02/2000. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên, anh H và chị G không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Đương sự trình bày yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị G được ly hôn anh Đặng Văn H.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị G đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010187 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Chị Vũ Thị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND thị xã Quảng Yên.
- Chi cục THADS thị xã Q Y.
- UBND phường Y H, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phúc Định